

THPT (U)

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết
một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Ch: C
Ngày	07/02/2025

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực

Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 1 như sau:

“3a. Lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt thực hiện theo quy định tương ứng tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu

1. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 1 Điều 1 như sau:

“g) Khoản 2 Điều 29 về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt;”.

2. Bổ sung Điều 2a vào sau Điều 2 như sau:

“Điều 2a. Trình tự, thủ tục thực hiện khoản 5 Điều 3 của Luật Đấu thầu

Trước khi ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài có quy định về đấu thầu khác hoặc chưa được quy định tại Luật Đấu thầu, Chính phủ quyết định việc áp dụng quy định về đấu thầu theo trình tự, thủ tục như sau:

1. Trước khi đàm phán, cơ quan chủ quản dự án gửi cơ quan chủ trì đàm phán văn bản đề xuất việc áp dụng các nội dung khác hoặc chưa được quy định tại Luật Đấu thầu. Nội dung của văn bản đề xuất gồm:

a) Các quy định của nhà tài trợ hoặc tổ chức quốc tế có nội dung khác hoặc chưa quy định tại Luật Đấu thầu;

b) Sự cần thiết và đánh giá tác động của việc áp dụng các nội dung quy định tại điểm a khoản này.

2. Cơ quan chủ trì đàm phán lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan về đề xuất áp dụng các nội dung khác hoặc chưa được quy định tại Luật Đấu thầu cùng với nội dung của điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài. Các cơ quan được lấy ý kiến trả lời bằng văn bản cho cơ quan chủ trì đàm phán trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến và tài liệu liên quan.

3. Trước khi ký điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài, cơ quan chủ trì đàm phán trình Chính phủ xem xét, quyết định việc áp dụng theo quy định của nhà tài trợ hoặc của tổ chức quốc tế mà Nhà nước, Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.”.

3. Bổ sung khoản 12 vào sau khoản 11 Điều 12 như sau:

“12. Nhà thầu có trách nhiệm nộp chi phí quy định tại khoản 11 Điều này. Hết thời hạn thanh toán chi phí mà nhà thầu không thanh toán thì tài khoản của nhà thầu bị chuyển sang trạng thái tạm ngừng, nhà thầu không thực hiện được các giao dịch liên quan trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia cho đến khi hoàn thành trách nhiệm thanh toán chi phí theo quy định.”.

4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 16 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Nội dung và phạm vi công việc, số lượng chuyên gia, thời gian thực hiện, năng lực, kinh nghiệm của chuyên gia tư vấn, mức lương chuyên gia theo quy định của pháp luật (nếu có) và các yếu tố khác.

Bộ quản lý ngành, lĩnh vực về lao động chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan có liên quan ban hành quy định về mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước để làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu theo quy định tại điểm này;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 như sau:

“đ) Kết quả thẩm định giá của tổ chức có chức năng cung cấp dịch vụ thẩm định giá hoặc của hội đồng thẩm định giá theo quy định của pháp luật (nếu có);”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 như sau:

“a) Dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo niên độ ngân sách hoặc dự kiến dự toán ngân sách nhà nước được cấp trong năm ngân sách hoặc dự kiến dự toán ngân sách nhà nước được cấp cho các năm kế tiếp đối với trường hợp mua sắm cho năm tiếp theo hoặc mua sắm cho nhiều năm; dự kiến nguồn tài chính hợp pháp trong năm tài chính hoặc dự kiến nguồn tài chính hợp pháp cho các năm kế tiếp đối với trường hợp mua sắm cho năm tiếp theo hoặc mua sắm cho nhiều năm;”;

d) Bổ sung khoản 7 vào sau khoản 6 như sau:

“7. Đối với dự toán được phê duyệt theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 23, điểm c khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu và khoản 2 Điều 131 của Nghị định này, trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định về việc lập dự toán và thẩm quyền phê duyệt dự toán thì việc lập, phê duyệt dự toán thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực; trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực không có quy định thì chủ đầu tư hoặc cơ quan, đơn vị được người có thẩm quyền giao phê duyệt dự toán thực hiện việc phê duyệt dự toán.”.

5. Bổ sung các điểm đ, e, g và h vào sau điểm d khoản 1 Điều 18 như sau:

“đ) Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu, hồ sơ yêu cầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;

e) Nhà thầu không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư, bên mời thầu hoặc không nộp tiền mặt, séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

g) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng;

h) Nhà thầu từ chối hoặc không xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày bên mời thầu mời nhà thầu xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với chào giá trực tuyến rút gọn.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 như sau:

“1. Các thông tin về lựa chọn nhà thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Chủ đầu tư có trách nhiệm đăng tải thông tin về nhà thầu vi phạm, nhà thầu không bảo đảm uy tín khi tham dự thầu, nhà thầu bị chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu, nhà thầu bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp cần sửa đổi các thông tin này, chủ đầu tư thực hiện sửa đổi, đính kèm quyết định sửa đổi, nêu rõ lý do sửa đổi và chịu trách nhiệm về các thông tin sửa đổi.”.

7. Bổ sung một số khoản của Điều 22 như sau:

a) Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 như sau:

“3a. Thương thảo hợp đồng (nếu có) đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, cung cấp dịch vụ phi tư vấn áp dụng đấu thầu quốc tế, gói thầu hỗn hợp và gói thầu áp dụng đấu thầu hạn chế quy định tại khoản 1 Điều 22 của Luật Đấu thầu.”;

b) Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 như sau:

“6. Các hoạt động đấu thầu trước quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu được thực hiện theo quy trình, thủ tục quy định tại các khoản 1, 2, 3, 3a và 4 Điều này. Việc hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng quy định tại khoản 5 Điều này chỉ được thực hiện sau khi dự án được phê duyệt đầu tư.”.

8. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 24 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt.

Dự thảo hồ sơ mời thầu được lập sau khi kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt hoặc có thể được lập trong quá trình lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng phải bảo đảm được phê duyệt sau khi kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 như sau:

“d) Có bảo đảm dự thầu với giá trị, thời hạn hiệu lực và đơn vị thụ hưởng đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không vi phạm một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với

yêu cầu của hồ sơ mời thầu, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi phát hành hồ sơ mời thầu, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu. Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với gói thầu bảo hiểm, nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành. Đối với gói thầu đấu thầu trước quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu, nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu nhưng phải cam kết trong đơn dự thầu về trách nhiệm tham dự thầu;”.

9. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 30 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau:

“b) Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được xem xét đánh giá về tài chính theo phương pháp giá thấp nhất hoặc giá đánh giá. Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và xác định ưu đãi (nếu có) thấp nhất (đối với phương pháp giá thấp nhất) hoặc có giá đánh giá thấp nhất (đối với phương pháp giá đánh giá) được xếp hạng thứ nhất. Thư giảm giá không được công khai trong biên bản mở thầu sẽ không được xem xét, đánh giá.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu đạt yêu cầu về kỹ thuật thì không phải xác định danh sách xếp hạng nhà thầu. Chủ đầu tư không phải phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 và khoản 6 như sau:

“5. Tổ chuyên gia lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu gửi bên mời thầu xem xét. Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu gồm các nội dung:

a) Kết quả đánh giá đối với từng hồ sơ dự thầu;

b) Danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng;

c) Danh sách nhà thầu không đáp ứng yêu cầu và bị loại, lý do loại nhà thầu;

d) Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế, phải nêu rõ lý do và đề xuất biện pháp xử lý;

đ) Những nội dung của hồ sơ mời thầu không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc nội dung có thể dẫn đến cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình thực hiện hoặc có thể làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có); đề xuất biện pháp xử lý.

Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, cung cấp dịch vụ phi tư vấn áp dụng đấu thầu quốc tế, gói thầu hỗn hợp và gói thầu áp dụng đấu thầu hạn chế quy định tại khoản 1 Điều 22 của Luật Đấu thầu, trường hợp áp dụng thương thảo hợp đồng, bên mời thầu mời nhà thầu xếp hạng thứ nhất thương thảo hợp đồng theo quy định tại Điều 43 của Nghị định này.

6. Trên cơ sở báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu, kết quả thương thảo hợp đồng (nếu có), bên mời thầu lập tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gửi chủ đầu tư phê duyệt theo quy định tại Điều 31 của Nghị định này. Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Kết quả đánh giá đối với từng hồ sơ dự thầu;
- b) Danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng nhà thầu;
- c) Kết quả thương thảo hợp đồng (nếu có);
- d) Danh sách nhà thầu không đáp ứng yêu cầu và bị loại; lý do loại bỏ nhà thầu;
- đ) Tên nhà thầu được đề nghị trúng thầu, giá đề nghị trúng thầu, loại hợp đồng, thời gian thực hiện gói thầu và thời gian thực hiện hợp đồng;
- e) Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế, phải nêu rõ lý do và đề xuất biện pháp xử lý;
- g) Những nội dung của hồ sơ mời thầu chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình thực hiện hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có) và đề xuất biện pháp xử lý;
- h) Những nội dung cần lưu ý (nếu có)."

10. Bổ sung khoản 8 vào sau khoản 7 Điều 34 như sau:

"8. Các hoạt động đấu thầu trước quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu được thực hiện theo quy trình, thủ tục quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này. Việc hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng quy định tại khoản 7 Điều này chỉ được thực hiện sau khi dự án được phê duyệt đầu tư."

11. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 42 như sau:

“b) Tổ chuyên gia lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu gửi bên mời thầu xem xét theo quy định tại khoản 5 Điều 30 của Nghị định này. Chủ đầu tư không phải phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu. Trường hợp áp dụng thương thảo hợp đồng, bên mời thầu mời nhà thầu xếp hạng thứ nhất thương thảo hợp đồng theo quy định tại Điều 43 của Nghị định này.”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 43 như sau:

“6. Trên cơ sở báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu, kết quả thương thảo hợp đồng (nếu có), bên mời thầu lập tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 6 Điều 30 của Nghị định này.”.

13. Bổ sung khoản 8 vào sau khoản 7 Điều 59 như sau:

“8. Các hoạt động đấu thầu trước quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu được thực hiện theo quy trình, thủ tục quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này. Việc hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng quy định tại khoản 7 Điều này chỉ được thực hiện sau khi dự án được phê duyệt đầu tư.”.

14. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 61 như sau:

“b) Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt.

Dự thảo hồ sơ mời thầu được lập sau khi kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt hoặc có thể được lập trong quá trình lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng phải bảo đảm được phê duyệt sau khi kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt;”.

15. Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm c khoản 2 Điều 76 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a như sau:

“a) Lập hồ sơ yêu cầu:

Nội dung hồ sơ yêu cầu bao gồm: thông tin tóm tắt về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu; chỉ dẫn việc chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất; tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu; tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật; xác định giá chỉ định thầu; điều kiện về hợp đồng.

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và đánh giá về kỹ thuật đối với gói thầu xây lắp, mua sắm hàng hóa, phi tư vấn, hỗn hợp; sử dụng tiêu chí chấm điểm để đánh giá về kỹ thuật đối với gói thầu tư vấn. Hồ sơ yêu cầu được nêu rõ ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của hàng hóa, các yêu cầu về kỹ thuật, dịch vụ có liên quan (nếu có);”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c như sau:

“c) Xác định nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và thông tin sơ bộ về nhà thầu có khả năng thực hiện gói thầu, chủ đầu tư xác định một nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu; không phải đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu khi xác định nhà thầu này.

Nhà thầu được dự kiến chỉ định thầu và nhận hồ sơ yêu cầu khi có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu; đối với nhà thầu là hộ kinh doanh khi có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm a, b khoản 2 và các điểm d, e khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình được dự kiến chỉ định thầu và nhận hồ sơ yêu cầu khi đáp ứng tư cách hợp lệ quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác thì phải tuân thủ quy định đó.”.

16. Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm c khoản 2 Điều 77 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a như sau:

“a) Lập hồ sơ yêu cầu:

Nội dung hồ sơ yêu cầu bao gồm: thông tin tóm tắt về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu; chỉ dẫn việc chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất; tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu; tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, xác định giá thấp nhất; điều kiện về hợp đồng.

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và đánh giá về kỹ thuật đối với gói thầu xây lắp, mua sắm hàng hóa, phi tư vấn, hỗn hợp; sử dụng tiêu chí chấm điểm để đánh giá về kỹ thuật đối với gói thầu tư vấn. Hồ sơ yêu cầu được nêu rõ ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của hàng hóa, các yêu cầu về kỹ thuật, dịch vụ có liên quan (nếu có);”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c như sau:

“c) Xác định danh sách nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và thông tin sơ bộ về nhà thầu có khả năng thực hiện gói thầu, chủ đầu tư xác định tối thiểu 03 nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu; không phải đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu khi xác định các nhà thầu này.

Nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu khi có tư cách hợp lệ theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu; đối với nhà thầu là hộ kinh doanh khi có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm a, b khoản 2 và các điểm d, e khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu khi đáp ứng tư cách hợp lệ quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác thì phải tuân thủ quy định đó.”.

17. Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu khoản 3 Điều 78 như sau:

“3. Việc chỉ định thầu đối với gói thầu trong hạn mức chỉ định thầu theo quy định tại điểm m khoản 1 Điều 23 của Luật Đấu thầu phải được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu và được thực hiện theo quy trình chỉ định thầu rút gọn. Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi có tư cách hợp lệ theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu; đối với nhà thầu là hộ kinh doanh khi có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm a, b khoản 2 và các điểm d, e khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình được đề nghị chỉ định thầu khi đáp ứng tư cách hợp lệ quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác thì phải tuân thủ quy định đó. Quy trình chỉ định thầu rút gọn được thực hiện như sau:”.

18. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 79 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Phê duyệt hồ sơ mời thầu:

Việc phê duyệt hồ sơ mời thầu căn cứ vào tờ trình phê duyệt, không phải thẩm định hồ sơ mời thầu.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 3 như sau:

“đ) Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định trong hồ sơ mời thầu (nếu có nhiều hơn 01 nhà thầu). Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và xác định ưu đãi (nếu có) thấp nhất đối với phương pháp giá thấp nhất hoặc có giá đánh giá thấp nhất đối với phương pháp giá đánh giá được xếp hạng thứ nhất.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trình, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu:

Việc trình, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 31 của Nghị định này, không phải thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.”.

19. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 80 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Phê duyệt hồ sơ yêu cầu:

Việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu căn cứ vào tờ trình phê duyệt, không phải thẩm định hồ sơ yêu cầu.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Trình, phê duyệt và công khai kết quả mua sắm trực tiếp:

Việc trình, phê duyệt và công khai kết quả mua sắm trực tiếp thực hiện theo quy định tại Điều 31 của Nghị định này, không phải thẩm định kết quả mua sắm trực tiếp.”.

20. Sửa đổi, bổ sung Điều 82 như sau:

“Điều 82. Trường hợp và thẩm quyền quyết định áp dụng lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt

1. Gói thầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của quốc gia theo chỉ đạo tại Nghị quyết, Kết luận, văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước về việc thực hiện dự án, gói thầu mà nếu áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại các Điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28 của Luật Đấu thầu thì không thể thực hiện được theo yêu cầu.

2. Gói thầu khi triển khai thực hiện có yêu cầu phải bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ mà không thể áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại các Điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28 của Luật Đấu thầu.

3. Gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm có một hoặc một số điều kiện đặc thù về quy trình, thủ tục, tiêu chí lựa chọn nhà thầu, điều kiện ký kết và thực hiện hợp đồng, gồm:

a) Gói thầu mua thuốc, vắc xin đáp ứng yêu cầu: đang trong quá trình thử nghiệm, có yêu cầu đặc thù của nhà sản xuất về điều kiện mua, thanh toán, bảo lãnh, bảo đảm và điều kiện khác trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Gói thầu mua thuốc, vắc xin, thiết bị y tế thông qua các tổ chức quốc tế;

c) Gói thầu mua vắc xin sản xuất trong nước phục vụ Chương trình tiêm chủng mở rộng mà chỉ có 01 nhà sản xuất trong nước sản xuất;

d) Lựa chọn luật sư, tổ chức hành nghề luật sư cung cấp dịch vụ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước Việt Nam, cơ quan nhà nước tại cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại nước ngoài, cơ quan tài phán, cơ quan giải quyết tranh chấp trong nước, nước ngoài hoặc quốc tế;

đ) Gói thầu về đào tạo chuyên sâu cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập do cơ sở đào tạo nước ngoài trực tiếp thực hiện tại nước ngoài; mua vé máy bay cho đoàn đi công tác trong nước và quốc tế; gói thầu đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành đặc thù cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động do cần thiết phải mời cơ quan, đơn vị có thẩm quyền hoặc có chức năng, nhiệm vụ đào tạo chuyên môn được cơ quan có thẩm quyền giao;

e) Gói thầu thực hiện nhiệm vụ chính trị do Đảng và Nhà nước giao, bao gồm: tuyên truyền trên báo in, báo điện tử, đài phát thanh, truyền hình và phương tiện thông tin đại chúng khác trong trường hợp cơ quan, đơn vị được giao kinh phí tuyên truyền trực tiếp ký hợp đồng với các cơ quan này để thực hiện; hợp tác sản xuất phim, sản xuất phim; gói thầu của các đơn vị sự nghiệp của Trung ương đảng, cơ quan thuộc Chính phủ mua thông tin của các hãng thông tấn, tổ chức báo chí nước ngoài, in ấn phẩm báo chí nhằm tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước;

g) Gói thầu sản xuất chương trình gắn liền với ý tưởng thực hiện; tổ chức biểu diễn nghệ thuật phục vụ nhiệm vụ chính trị;

h) Gói thầu cung cấp dịch vụ in ấn, cung cấp tem, biên lai, niêm phong theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, hải quan; gói thầu mua chó nghiệp vụ, đào tạo chó nghiệp vụ, mua ma túy, chất nổ, mẫu tẩm nguồn hơi ma túy, chất nổ để huấn luyện chó nghiệp vụ;

i) Gói thầu thẩm định giá, tư vấn xác định giá tài sản liên quan đến các vụ việc, vụ án hình sự cần thực hiện gấp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng;

k) Gói thầu cung cấp dịch vụ tổ chức các hội nghị, hội thảo, đại hội, tập huấn (phục vụ ăn, nghỉ, đi lại cho đại biểu; trang thiết bị, thuê hội trường, phòng họp và các dịch vụ liên quan) có yêu cầu phải bố trí địa điểm ăn, nghỉ tập trung cho đại biểu và phải thực hiện gấp;

l) Gói thầu phục vụ công tác đối ngoại đón đoàn khách quốc tế thăm và làm việc tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về nghi lễ đối ngoại; gói thầu mua tặng phẩm đối ngoại cho lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đi công tác nước ngoài, đón đoàn khách quốc tế thăm và làm việc tại Việt Nam;

m) Gói thầu mua dịch vụ của các công ty xếp hạng tín dụng quốc tế; gói thầu mua dịch vụ thanh toán quốc tế (bao gồm thiết bị đi kèm) được cung cấp độc quyền bởi Hiệp hội viễn thông tài chính liên ngân hàng toàn cầu SWIFT; gói thầu mua dịch vụ của các công ty cung cấp dịch vụ thông tin tài chính - tiền tệ quốc tế và nền tảng giao dịch;

n) Gói thầu cung cấp suất ăn, bữa ăn học đường hoặc gói thầu mua thực phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu đầu vào để thực hiện việc cung cấp suất ăn, bữa ăn học đường cho học sinh bán trú, nội trú tại cơ sở giáo dục công lập;

o) Gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ chỉ do một cơ sở sản xuất hoặc cung cấp; gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá bán thống nhất do Nhà nước quy định gồm điện, nước, xăng, dầu, phí vệ sinh môi trường, cước điện thoại cố định, bảo trì hệ thống tổng đài điện thoại cố định và các hàng hóa, dịch vụ tương tự khác;

p) Gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm có yêu cầu cấp bách phải thực hiện ngay theo chỉ đạo tại Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị, văn bản thông báo ý kiến của lãnh đạo Chính phủ mà nếu áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại các Điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28 của Luật Đấu thầu thì không bảo đảm hoàn thành tiến độ;

q) Gói thầu thuộc dự án có yêu cầu thực hiện ngay nhằm bảo đảm kết nối, đồng bộ giữa các công trình thuộc dự án theo chỉ đạo tại Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị, văn bản thông báo ý kiến của lãnh đạo Chính phủ mà nếu áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại các Điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28 của Luật Đấu thầu thì không bảo đảm hiệu quả quản lý, khai thác, vận hành công trình đồng bộ, liên tục;

r) Gói thầu tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án do Quốc hội quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư;

s) Gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm khác có một hoặc một số điều kiện đặc thù về quy trình, thủ tục, tiêu chí lựa chọn nhà thầu, điều kiện ký kết và thực hiện hợp đồng không thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản này.

4. Thẩm quyền quyết định áp dụng lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi là Thủ trưởng cơ quan trung ương), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và chịu trách nhiệm áp dụng lựa chọn

nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm quy định tại khoản 1, khoản 2 và điểm s khoản 3 Điều này;

b) Bộ trưởng Bộ Y tế quyết định và chịu trách nhiệm áp dụng lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều này;

c) Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước quyết định và chịu trách nhiệm áp dụng lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt quy định tại điểm r khoản 3 Điều này;

d) Người có thẩm quyền của dự án, dự toán mua sắm quyết định và chịu trách nhiệm áp dụng lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt quy định tại các điểm d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3 Điều này.”.

21. Sửa đổi, bổ sung Điều 83 như sau:

“Điều 83. Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt

1. Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 và điểm s khoản 3 Điều 82 của Nghị định này:

a) Căn cứ hồ sơ đề nghị áp dụng lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt do cơ quan, đơn vị đề xuất, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan, đơn vị khác thẩm định;

b) Hồ sơ gồm: tờ trình, dự thảo quyết định của Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các văn bản, tài liệu liên quan. Tờ trình về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt bao gồm những nội dung: thông tin cơ bản về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu (tên dự án, dự toán mua sắm, gói thầu; nguồn vốn, tổng mức đầu tư của dự án, giá trị dự toán mua sắm, giá gói thầu; thời gian dự kiến thực hiện; các nội dung cần thiết khác); đối với gói thầu quy định tại khoản 1 Điều 82 của Nghị định này, giải trình về sự cần thiết và lý do nếu áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại các Điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28 của Luật Đấu thầu thì không thể thực hiện được theo chỉ đạo tại Nghị quyết, Kết luận, văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước; đối với gói thầu quy định tại khoản 2 Điều 82 của Nghị định này, giải trình về sự cần thiết và điều kiện phải bảo đảm về một hoặc một số yếu tố liên quan đến lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ, lý do không thể áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại các Điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28 của Luật Đấu thầu; đối với gói thầu quy định tại điểm s khoản 3 Điều 82 của Nghị định này, giải trình về sự cần thiết và điều kiện đặc thù đối với một hoặc một số nội dung về quy

trình, thủ tục, tiêu chí lựa chọn nhà thầu, điều kiện ký kết và thực hiện hợp đồng, lý do không thể áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại các Điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28 của Luật Đấu thầu; dự thảo phương án lựa chọn nhà thầu gồm những nội dung chủ yếu sau: quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu và các nội dung liên quan khác để đáp ứng các điều kiện đặc thù của gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm bảo đảm lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm, giải pháp thực hiện khả thi, hiệu quả. Dự thảo quyết định của Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm nội dung theo quy định tại điểm đ khoản này;

c) Trong quá trình thẩm định, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ lấy ý kiến của các bộ, cơ quan có liên quan về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó (nếu cần thiết) đối với gói thầu quy định tại khoản 1 và điểm s khoản 3 Điều 82 của Nghị định này; lấy ý kiến của một hoặc các Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngoại giao theo từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý về sự cần thiết và điều kiện phải bảo đảm về một hoặc một số yếu tố liên quan đến lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ và ý kiến của các cơ quan liên quan khác (nếu cần thiết) đối với gói thầu quy định tại khoản 2 Điều 82 của Nghị định này;

d) Căn cứ ý kiến của các cơ quan quy định tại điểm c khoản này, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định lập báo cáo thẩm định, gồm các nội dung sau: đánh giá về sự cần thiết, lý do áp dụng lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt; ý kiến về phương án lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt và dự thảo quyết định của Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp kiến nghị chấp thuận; kiến nghị Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận hoặc không chấp thuận việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt;

đ) Căn cứ hồ sơ đề nghị, báo cáo thẩm định, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt. Quyết định của Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm các nội dung: chấp thuận việc áp dụng và phương án lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm; trách nhiệm của người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu và các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu; các yêu cầu khác trong quá trình triển khai thực hiện gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm (nếu có).

2. Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 82 của Nghị định này:

a) Bộ trưởng Bộ Y tế giao cơ quan, đơn vị trực thuộc lập hồ sơ đề nghị áp dụng lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, đồng thời giao cơ quan, đơn vị khác tổ chức thẩm định;

b) Hồ sơ gồm: tờ trình, dự thảo quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế và các văn bản, tài liệu liên quan. Tờ trình về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt bao gồm những nội dung: thông tin cơ bản về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu (tên dự án, dự toán mua sắm, gói thầu; nguồn vốn, tổng mức đầu tư của dự án, giá trị dự toán mua sắm, giá gói thầu; thời gian dự kiến thực hiện; các nội dung cần thiết khác); giải trình về sự cần thiết và điều kiện đặc thù đối với một hoặc một số nội dung quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật Đấu thầu, lý do không thể áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại các Điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28 của Luật Đấu thầu; dự thảo phương án lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt gồm những nội dung chủ yếu sau: quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu và các nội dung liên quan khác để đáp ứng các điều kiện đặc thù của gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm bảo đảm lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm, giải pháp thực hiện khả thi, hiệu quả;

c) Căn cứ hồ sơ đề nghị và báo cáo thẩm định, Bộ trưởng Bộ Y tế xem xét, quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt.

Trường hợp tổ chức quốc tế, nhà sản xuất thuốc, vắc xin, thiết bị y tế có quy định riêng về điều kiện mua bán, điều kiện ký kết hợp đồng (nếu có), tạm ứng, thanh toán là điều kiện ràng buộc để cung cấp thuốc, vắc xin, thiết bị y tế thì được thực hiện theo quy định của tổ chức quốc tế, nhà sản xuất đó.

3. Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 82 của Nghị định này:

a) Bộ trưởng Bộ Y tế giao cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện trách nhiệm của chủ đầu tư trong việc đặt hàng vắc xin;

b) Chủ đầu tư căn cứ kế hoạch tiêm chủng mở rộng, dự kiến số lượng, chủng loại vắc xin cần mua, thời gian cung cấp vắc xin (có thể đặt hàng mua vắc xin cho nhiều hơn 01 năm); đơn giá dự kiến; giá gói thầu và các nội dung cần thiết khác, lập tờ trình đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, trình Bộ Y tế thẩm định, phê duyệt. Trường hợp đặt hàng cho nhiều năm thì phải dự kiến giá trị mua sắm trong từng năm. Hồ sơ trình gồm: tờ trình, dự thảo quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Bộ trưởng Bộ Y tế và các văn bản, tài liệu liên quan;

c) Căn cứ tờ trình của chủ đầu tư và báo cáo thẩm định, Bộ trưởng Bộ Y tế xem xét, quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

d) Căn cứ kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, chủ đầu tư phê duyệt quyết định đặt hàng và ký hợp đồng với nhà sản xuất vắc xin trong nước để sản xuất, cung cấp vắc xin phục vụ Chương trình tiêm chủng mở rộng;

đ) Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, các nhà sản xuất vắc xin lập hồ sơ phương án giá tương ứng với số lượng cung cấp trong năm cho: Chương trình tiêm chủng mở rộng, trình Bộ Y tế để gửi Bộ Tài chính thẩm định, phê duyệt và thông báo giá vắc xin tối đa;

e) Căn cứ giá vắc xin tối đa do Bộ Tài chính thông báo, Bộ Y tế quyết định phê duyệt giá cụ thể nhưng không vượt giá tối đa. Giá trị thanh toán hợp đồng hằng năm căn cứ theo số lượng vắc xin cung cấp và giá cụ thể được Bộ Y tế phê duyệt.

4. Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 3 Điều 82 của Nghị định này:

a) Cơ quan, đơn vị chủ trì giải quyết vụ kiện xây dựng các tiêu chí, điều khoản tham chiếu, cơ chế kiểm soát tổ chức hành nghề luật sư, luật sư để xác định danh sách (không ít hơn 03) tổ chức hành nghề luật sư, luật sư dự kiến được thuê; chỉ lựa chọn vào danh sách các tổ chức hành nghề luật sư, luật sư danh tiếng, nhiều kinh nghiệm;

b) Cơ quan chủ trì giải quyết vụ kiện tổ chức đàm phán hợp đồng dịch vụ pháp lý với tổ chức hành nghề luật sư, luật sư có ưu thế nhất trên cơ sở các tiêu chí, điều khoản tham chiếu và cơ chế kiểm soát tổ chức hành nghề luật sư, luật sư trong vụ kiện;

c) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chủ trì giải quyết vụ kiện phê duyệt và thông báo kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề luật sư, luật sư;

d) Cơ quan, đơn vị chủ trì giải quyết vụ kiện hoàn thiện, ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý với tổ chức hành nghề luật sư, luật sư.

5. Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 3 Điều 82 của Nghị định này, trừ quy định tại khoản 6 Điều này:

a) Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại điểm l khoản 3 Điều 82 của Nghị định này, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện gói thầu, chủ đầu tư phải hoàn thiện thủ tục quy định tại điểm này;

b) Thương thảo hợp đồng với nhà thầu được xác định có đủ năng lực, kinh nghiệm;

c) Phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;

d) Hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà thầu;

Hợp đồng phải bao gồm đầy đủ các nội dung liên quan đến yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được và giá trị hợp đồng;

đ) Việc đăng tải thông tin về kế hoạch lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu và các thông tin về đấu thầu khác được thực hiện theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Luật Đấu thầu.

Đối với trường hợp quy định tại điểm n khoản 3 Điều 82 của Nghị định này, trường hợp cơ sở giáo dục công lập tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư thì thủ trưởng cơ sở giáo dục công lập được tự quyết định việc cung cấp suất ăn, bữa ăn học đường hoặc mua thực phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu đầu vào để thực hiện cung cấp suất ăn, bữa ăn học đường bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và trách nhiệm giải trình trên cơ sở chế độ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật mà không phải thực hiện các thủ tục quy định tại khoản này.

Đối với trường hợp quy định tại điểm o khoản 3 Điều 82 của Nghị định này, chủ đầu tư hoàn thiện, ký kết hợp đồng với đơn vị cung cấp theo quy định tại điểm d khoản này mà không phải thực hiện các thủ tục quy định tại điểm a, b, c và đ khoản này.

Người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu thực hiện trách nhiệm quy định tại các Điều 77, 78 và 79 của Luật Đấu thầu.

6. Đối với gói thầu mua vé máy bay cho đoàn đi công tác trong nước và quốc tế theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 82 của Nghị định này:

a) Đối với đoàn đi công tác quốc tế, căn cứ kế hoạch công tác và hành trình bay được duyệt, cơ quan, đơn vị được giao kinh phí và nhiệm vụ mua vé máy bay lấy tối thiểu 02 báo giá của 02 đại lý bán vé máy bay khác nhau (hoặc báo giá của 01 đại lý bán vé máy bay của ít nhất 02 hãng hàng không khác nhau, trong đó có hãng hàng không quốc gia Việt Nam) với cùng hành trình bay để xem xét, so sánh và lựa chọn đơn vị cung cấp vé máy bay trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu: đường bay trực tiếp, phù hợp với lịch công tác; tổng các khoản chi tiền vé (bao gồm các khoản thuế và phụ phí), tiền đi đường, tiền chờ đợi tại sân bay thấp nhất. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao kinh phí và nhiệm vụ mua vé máy bay ký hợp đồng với nhà cung cấp bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Trường hợp thay đổi đường bay ở nước ngoài do nhu cầu công tác thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao kinh phí quyết định việc mua vé trên cơ sở đề nghị của trưởng đoàn công tác;

b) Đối với đoàn đi công tác trong nước:

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao kinh phí và nhiệm vụ mua vé máy bay ký hợp đồng với nhà cung cấp bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

c) Việc mua vé máy bay cho các đoàn đi công tác trong nước và quốc tế theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này không phải lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

7. Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại điểm p và điểm q khoản 3 Điều 82 của Nghị định này:

a) Căn cứ hồ sơ đề nghị áp dụng lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt do chủ đầu tư đề xuất, người có thẩm quyền giao cơ quan, đơn vị khác thẩm định;

b) Hồ sơ gồm: tờ trình, dự thảo quyết định của người có thẩm quyền và các văn bản, tài liệu liên quan. Tờ trình về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt bao gồm những nội dung: thông tin cơ bản về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu (tên dự án, dự toán mua sắm, gói thầu; nguồn vốn, tổng mức đầu tư của dự án, giá trị dự toán mua sắm, giá gói thầu; thời gian dự kiến thực hiện; các nội dung cần thiết khác); đối với gói thầu quy định tại điểm p khoản 3 Điều 82 của Nghị định này, giải trình về sự cần thiết của gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm có yêu cầu cấp bách phải thực hiện ngay nhằm bảo đảm hoàn thành gói thầu, dự án theo chỉ đạo tại Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị, văn bản thông báo ý kiến của lãnh đạo Chính phủ, lý do nếu áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại các Điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28 của Luật Đấu thầu thì không bảo đảm hoàn thành tiến độ; đối với gói thầu quy định tại điểm q khoản 3 Điều 82 của Nghị định này, giải trình về sự cần thiết của gói thầu thuộc dự án có yêu cầu thực hiện ngay nhằm bảo đảm kết nối, đồng bộ giữa các công trình thuộc dự án theo chỉ đạo tại Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị, văn bản thông báo ý kiến của lãnh đạo Chính phủ, lý do nếu áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại các Điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28 của Luật Đấu thầu thì không bảo đảm hiệu quả quản lý, khai thác, vận hành công trình đồng bộ, liên tục; dự thảo phương án lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt gồm những nội dung chủ yếu sau: quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu và các nội dung liên quan khác để đáp ứng các điều kiện đặc thù của gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm bảo đảm lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm, giải pháp thực hiện khả thi, hiệu quả. Dự thảo quyết định của người có thẩm quyền gồm nội dung theo quy định tại điểm d khoản này;

c) Trong quá trình thẩm định, người có thẩm quyền gửi hồ sơ lấy ý kiến của các bộ, cơ quan có liên quan về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó (nếu cần thiết);

d) Căn cứ hồ sơ đề nghị và báo cáo thẩm định, người có thẩm quyền xem xét, quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt. Quyết định của người có thẩm quyền gồm các nội dung: chấp thuận việc áp dụng và phương án lựa chọn nhà thầu trong

trường hợp đặc biệt đối với gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm; trách nhiệm của chủ đầu tư, bên mời thầu và các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu; các yêu cầu khác trong quá trình triển khai thực hiện gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm (nếu có).

8. Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại điểm r khoản 3 Điều 82 của Nghị định này:

a) Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành xác định nhà thầu tư vấn thẩm tra có đủ năng lực, kinh nghiệm theo quy định pháp luật để thực hiện ngay công việc tư vấn, trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước thông qua;

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước thông qua, tổ chuyên gia thẩm định liên ngành phải hoàn tất thủ tục, bao gồm: chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu tư vấn, trong đó xác định yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được và giá trị tương ứng để thương thảo, hoàn thiện hợp đồng; tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng; trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước phê duyệt kết quả lựa chọn tư vấn thẩm tra dự án; chuẩn bị ký kết hợp đồng với tư vấn thẩm tra được lựa chọn. Hợp đồng được ký giữa ba bên, gồm đại diện của Hội đồng thẩm định nhà nước, chủ đầu tư (nhà đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án) và tư vấn thẩm tra được lựa chọn.

9. Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2, các điểm a, b và s khoản 3 Điều 82 của Nghị định này, tờ trình về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt phải nêu rõ lý do không thể áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại các Điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28 của Luật Đấu thầu; đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, các điểm p và q khoản 3 Điều 82 của Nghị định này, tờ trình về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt phải nêu rõ lý do nếu áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại các Điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28 của Luật Đấu thầu thì không thể thực hiện được theo yêu cầu; đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o và r khoản 3 Điều 82 của Nghị định này không phải giải trình lý do không thể áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại các Điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28 của Luật Đấu thầu.”.

22. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 88 như sau:

“2. Đối với mua sắm tập trung không thuộc dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, người quyết định hoặc người được giao quyết định việc mua sắm theo quy định tại Điều 91 của Nghị định này của cấp trên đơn vị mua sắm tập trung thực hiện trách nhiệm của người có thẩm quyền quy định tại Điều 77 của Luật Đấu thầu.”.

23. Sửa đổi, bổ sung khoản của Điều 97 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự thầu thực hiện theo quy định tại các Điều 23, 24, 35, 36, 60 và 61 của Nghị định này. Hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự thầu được đánh giá hợp lệ khi nhà thầu không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.”;

b) Bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5 như sau:

“5a. Việc thương thảo hợp đồng được thực hiện theo quy định tại khoản 3a Điều 22, khoản 5 Điều 30, khoản 5 Điều 34, Điều 43, khoản 5 Điều 59 và Điều 69 của Nghị định này.”.

24. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 3 Điều 98 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b như sau:

“a) Gói thầu mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không quá 500 triệu đồng đối với dự toán mua sắm, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;

b) Gói thầu mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không quá 01 tỷ đồng đối với dự án;”;

b) Bổ sung điểm d vào sau điểm c như sau:

“d) Gói thầu mua sắm hàng hóa chia phần (trừ thuốc) để bán lẻ tại cơ sở bán lẻ trong khuôn viên của cơ sở y tế công lập, trong đó mỗi phần là một mặt hàng có giá trị không quá 01 tỷ đồng đối với dự toán mua sắm.”.

25. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 101 như sau:

a) Sửa đổi điểm a khoản 1 như sau:

“Yêu cầu cụ thể về xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, thông số kỹ thuật của hàng hóa, thời gian giao hàng, bảo hành và các nội dung cần thiết khác (nếu có) đối với gói thầu mua sắm hàng hóa; phạm vi công việc, yêu cầu kỹ thuật, thời gian thực hiện, thời gian hoàn thành dịch vụ và các nội dung cần thiết khác (nếu có) đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn. Thời gian giao hàng, thời gian hoàn thành dịch vụ phải bảo đảm phù hợp, không làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu theo quy định tại điểm k khoản 6 Điều 16 của Luật Đấu thầu;”;

b) Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Nhà thầu tham gia chào giá trực tuyến trực tiếp trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để chào giá cho các nội dung xác định trong thông báo mời

thầu và được chào giá theo thời hạn quy định trong thông báo mời thầu. Kể từ lượt chào giá thứ hai, giá chào của nhà thầu không được thấp hơn 90% giá thấp nhất hiện thị trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.”;

c) Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 5 như sau:

“c) Trên cơ sở kết quả chào giá trực tuyến trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, bên mời thầu mời nhà thầu xếp hạng thứ nhất xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Nhà thầu được mời có trách nhiệm xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng. Trường hợp nhà thầu từ chối hoặc không xác nhận trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày bên mời thầu mời nhà thầu xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia thì nhà thầu sẽ bị công khai tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, khóa tài khoản trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của chủ đầu tư và bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu, bên mời thầu mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào xác nhận.”;

d) Sửa đổi khoản 6 như sau:

“6. Trình, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu:

Trên cơ sở chấp thuận được trao hợp đồng của nhà thầu, việc trình, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 31 của Nghị định này.”.

26. Sửa đổi khoản 1 Điều 102 như sau:

“1. Mua sắm trực tuyến phải được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu và được áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ của gói thầu thuộc dự toán mua sắm có giá gói thầu không quá 300 triệu đồng; gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc dự án có giá gói thầu không quá 01 tỷ đồng.”.

27. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 126 như sau:

“1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.”.

28. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 128 như sau:

“a) Căn cứ pháp lý để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Xem xét tính phù hợp, đầy đủ của cơ sở pháp lý của việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu và những lưu ý cần thiết (nếu có).

Đối với gói thầu đấu thầu trước, việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu được thực hiện trước khi điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài được ký kết đối với dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài hoặc trước khi dự án được phê duyệt đầu tư theo quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu.”.

29. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 130 như sau:

“a) Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt bao gồm:

Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của bên mời thầu, trong đó phải nêu rõ ý kiến của bên mời thầu đối với các ý kiến, đề xuất, kiến nghị của tổ chuyên gia;

Báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của tổ chuyên gia;

Biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có);

Biên bản đối chiếu tài liệu (nếu có);

Bản chụp các hồ sơ, tài liệu: Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, biên bản mở thầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của các nhà thầu và các tài liệu khác có liên quan; trường hợp đã tiến hành thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật thì chỉ gửi biên bản mở hồ sơ đề xuất về tài chính và bản chụp hồ sơ đề xuất về tài chính của các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.”.

30. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 131 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 như sau:

“a) Cho phép gia hạn thời điểm đóng thầu tối thiểu 05 ngày nhằm tăng thêm số lượng nhà thầu nộp hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu;”;

b) Sửa đổi, bổ sung các điểm a, b và d khoản 22 như sau:

“a) Phạt hợp đồng theo quy định trong hợp đồng;

b) Tịch thu giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng của tất cả thành viên liên danh trong trường hợp phần công việc còn lại của các thành viên liên danh vi phạm hợp đồng tách thành gói thầu riêng theo quy định tại điểm đ khoản này. Trường hợp phần công việc còn lại của các thành viên liên danh vi phạm hợp đồng được giao cho các thành viên khác theo điểm d khoản này thì chỉ thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị tịch thu giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng;

d) Phần công việc của thành viên vi phạm được giao cho các thành viên còn lại thực hiện nếu các thành viên này đủ năng lực, kinh nghiệm;”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 24 như sau:

“24. Đối với nhà thầu liên danh, trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện so với hợp đồng đã ký (cần sửa đổi hợp đồng) hoặc do các điều kiện khách quan, không phải lỗi của nhà thầu (thiên tai, bão lũ, khan hiếm vật liệu xây dựng, chậm bàn giao mặt bằng thi công, điều kiện địa chất thay đổi và các điều kiện khách quan khác không phải lỗi của nhà thầu) dẫn đến không đảm bảo yêu cầu tiến độ hoặc vì lý do bất khả kháng dẫn đến tiến độ hợp đồng bị ảnh hưởng thì chủ đầu tư và nhà thầu được thỏa thuận điều chỉnh phạm vi công việc giữa các thành viên liên danh phù hợp với tiến độ hoặc tiến độ được rút ngắn. Trong trường hợp này, chủ đầu tư phải bảo đảm thành viên đảm nhận phần công việc bổ sung có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện phần công việc đó và việc điều chuyển phạm vi công việc giữa các thành viên liên danh không nhằm mục đích chuyển nhượng thầu.”;

d) Bổ sung các khoản 28a, 28b, 28c và 28d sau khoản 28 như sau:

“28a. Đối với gói thầu xây lắp, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ tư vấn áp dụng đấu thầu trước quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu, trường hợp dự án được phê duyệt có các nội dung dẫn đến tăng giá gói thầu (hoặc tăng dự toán nếu dự toán được phê duyệt sau khi phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu) từ 30% trở lên hoặc thay đổi tiêu chuẩn đánh giá quan trọng về kỹ thuật hoặc thay đổi cấp công trình quy định trong hồ sơ mời thầu đã phát hành thì chủ đầu tư hủy thầu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu; trường hợp dự án được phê duyệt không dẫn đến tăng giá gói thầu, dự toán từ 30% trở lên, không thay đổi tiêu chuẩn đánh giá quan trọng về kỹ thuật, cấp công trình quy định trong hồ sơ mời thầu đã phát hành và gói thầu đã lựa chọn được nhà thầu trúng thầu thì chủ đầu tư được sửa đổi, bổ sung khối lượng công việc, hoàn thiện để ký kết hợp đồng với nhà thầu.

Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa áp dụng đấu thầu trước quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu, trường hợp dự án được phê duyệt có các nội dung dẫn đến tăng khối lượng công việc từ 20% trở lên hoặc thay đổi chủng loại hàng hóa quy định trong hồ sơ mời thầu đã phát hành thì chủ đầu tư hủy thầu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu; trường hợp không dẫn đến tăng khối lượng công việc từ 20% trở lên hoặc thay đổi chủng loại hàng hóa quy định trong hồ sơ mời thầu đã phát hành và gói thầu đã lựa chọn được nhà thầu trúng thầu thì chủ đầu tư được sửa đổi, bổ sung khối lượng công việc, hoàn thiện để ký kết hợp đồng với nhà thầu.

28b. Đối với gói thầu chia phần, trường hợp giá đề nghị trúng thầu của một phần vượt quá 30% giá trị tương ứng của phần đó trong dự toán thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ các yếu tố cấu thành chi phí chào thầu, xem xét các khía cạnh liên quan sau đây:

a) Các yếu tố kỹ thuật, kinh tế liên quan đến quy trình sản xuất hoặc cung cấp dịch vụ;

b) Giá thị trường xác định thông qua phân tích, tham vấn thị trường quy định tại khoản 3 Điều 15 của Nghị định này;

c) Nguồn gốc của hàng hóa, dịch vụ được xác định theo quy định của pháp luật.

Trường hợp việc làm rõ đáp ứng được các điều kiện quy định tại các điểm a, b, c khoản này và khoản 4 Điều 27 của Nghị định này thì hồ sơ dự thầu của nhà thầu vẫn được chấp nhận trúng thầu.

28c. Trường hợp gói thầu có tính chất đặc thù và áp dụng hình thức chỉ định thầu hoặc lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, nhà thầu nước ngoài có yêu cầu ràng buộc chỉ ký hợp đồng khi không phải đăng ký trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia thì khi đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư không cần yêu cầu nhà thầu nước ngoài đăng ký.

28d. Đối với gói thầu tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng, trường hợp trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu mà chưa có kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà thầu có tên trong biên bản mở thầu bị khóa tài khoản theo quy định của pháp luật về đấu thầu thì hồ sơ dự thầu của nhà thầu không được tiếp tục xem xét, đánh giá.”;

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 29 như sau:

“29. Ngoài trường hợp quy định từ khoản 1 đến khoản 28d Điều này, khi phát sinh tình huống, chủ đầu tư xem xét, quyết định xử lý tình huống trên cơ sở bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình.”.

31. Thay thế cụm từ “Phạm vi công việc thiết kế trong gói thầu EPC, EP, EC thuộc dự án đầu tư xây dựng quy định tại khoản này có thể là thiết kế FEED hoặc thiết kế cơ sở; không hình thành gói thầu EPC, EP, EC khi đã có thiết kế kỹ thuật hoặc công trình thiết kế hai bước theo quy định của pháp luật về xây dựng” bằng cụm từ “Gói thầu EPC, EP, EC được hình thành căn cứ vào thiết kế cơ sở, thiết kế FEED; trường hợp đã có thiết kế kỹ thuật thì không hình thành gói thầu EPC, EP, EC” tại khoản 3 Điều 3.

32. Thay thế cụm từ “trường hợp có nhiều hơn 01 báo giá thì lấy giá trung bình của các báo giá” bằng cụm từ “trường hợp có nhiều hơn 01 báo giá thì được lấy giá trung bình của các báo giá” tại điểm d khoản 2 Điều 16.

33. Bổ sung cụm từ “Đối với gói thầu đấu thầu trước quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu, nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu nhưng phải cam kết trong đơn dự thầu về trách nhiệm tham dự thầu” vào điểm a khoản 4 Điều 35.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 1 như sau:

“d) Khoản 2 Điều 34a và khoản 4 Điều 35 về lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt, phương thức lựa chọn nhà đầu tư;”.

2. Bổ sung Chương IVa gồm các Điều 44a và 44b vào sau Chương IV như sau:

“Chương IVa

LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ TRONG TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT

Điều 44a. Trường hợp và thẩm quyền quyết định áp dụng lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt

1. Dự án có yêu cầu bảo đảm lợi ích quốc gia, thực hiện nhiệm vụ chính trị của quốc gia theo chỉ đạo tại Nghị quyết, Kết luận, văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước về việc thực hiện dự án mà nếu áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà đầu tư quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 34 của Luật Đấu thầu thì không thể thực hiện được theo yêu cầu.

2. Dự án có yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ trên cơ sở ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao mà không thể áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà đầu tư quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 34 của Luật Đấu thầu.

3. Dự án có yêu cầu, điều kiện đặc thù về thủ tục đầu tư; thủ tục giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển; thủ tục, phương pháp, tiêu chuẩn lựa chọn nhà đầu tư và nội dung hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh, gồm:

a) Dự án điện gió ngoài khơi theo quy định của pháp luật về điện lực;

b) Dự án có yêu cầu cấp bách phải thực hiện ngay theo chỉ đạo tại Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị, văn bản thông báo ý kiến của lãnh đạo Chính phủ mà nếu áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà đầu tư

quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 34 của Luật Đấu thầu thì không bảo đảm hoàn thành tiến độ;

c) Dự án có yêu cầu thực hiện ngay nhằm bảo đảm kết nối, đồng bộ giữa các công trình thuộc dự án theo chỉ đạo tại Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị, văn bản thông báo ý kiến của lãnh đạo Chính phủ mà nếu áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà đầu tư quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 34 của Luật Đấu thầu thì không bảo đảm hiệu quả quản lý, khai thác, vận hành công trình đồng bộ, liên tục;

d) Dự án khác có yêu cầu, điều kiện đặc thù về thủ tục đầu tư; thủ tục giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển; thủ tục, phương pháp, tiêu chuẩn lựa chọn nhà đầu tư và nội dung hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh mà không thể áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi hoặc đấu thầu hạn chế.

4. Cơ quan có thẩm quyền quyết định áp dụng lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt đối với dự án quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 44b. Quy trình, thủ tục quyết định áp dụng lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt

1. Căn cứ yêu cầu thực hiện dự án, chỉ đạo tại Nghị quyết, Kết luận, văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước (đối với dự án quy định tại khoản 1 Điều 44a của Nghị định này) hoặc chỉ đạo tại Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị, văn bản thông báo ý kiến của lãnh đạo Chính phủ (đối với dự án quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều 44a của Nghị định này), người có thẩm quyền giao cơ quan, đơn vị trực thuộc, cơ quan chuyên môn lập hồ sơ đề nghị áp dụng lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt. Hồ sơ gồm các tài liệu sau đây:

a) Tờ trình đề nghị áp dụng lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt, gồm các nội dung sau: Thông tin cơ bản của dự án; giải trình về sự cần thiết và lý do phải áp dụng lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt; thuyết minh phương án lựa chọn nhà đầu tư gồm các nội dung chủ yếu về quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư, điều kiện ký kết hợp đồng và các nội dung liên quan khác để đáp ứng các điều kiện đặc thù của dự án; đề xuất và kiến nghị;

b) Dự thảo quyết định áp dụng lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt, gồm các nội dung theo quy định tại khoản 5 Điều này;

c) Các văn bản, tài liệu pháp lý có liên quan.

2. Cơ quan có thẩm quyền có văn bản lấy ý kiến các bộ, cơ quan có liên quan về sự cần thiết và lý do phải áp dụng lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt, trong đó gồm:

a) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao đối với dự án quy định tại khoản 2 Điều 44a của Nghị định này;

b) Các bộ, cơ quan có liên quan đối với dự án quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 44a của Nghị định này (nếu cần).

3. Cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về sự cần thiết và lý do phải áp dụng lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt gửi cơ quan có thẩm quyền.

4. Người có thẩm quyền giao một cơ quan, đơn vị độc lập với cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị áp dụng lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt. Báo cáo thẩm định gồm các nội dung sau:

a) Đánh giá về sự cần thiết, lý do áp dụng lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt quy định tại Điều 34a của Luật Đấu thầu;

b) Ý kiến về phương án lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt và dự thảo quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp kiến nghị chấp thuận;

c) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc không chấp thuận việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt.

5. Căn cứ hồ sơ đề nghị, báo cáo thẩm định, cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận áp dụng lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt. Quyết định của cơ quan có thẩm quyền gồm các nội dung sau:

a) Chấp thuận áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt;

b) Phương án lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt, gồm các nội dung sau: Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư và bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 12 của Nghị định này; điều kiện ký kết, thực hiện hợp đồng; các nội dung liên quan khác để đáp ứng các yêu cầu, điều kiện đặc thù của dự án, bảo đảm lựa chọn được nhà đầu tư có đủ năng lực, kinh nghiệm, giải pháp thực hiện dự án bảo đảm hiệu quả phương án đầu tư kinh doanh, hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương;

c) Trách nhiệm của bên mời thầu và các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà đầu tư;

d) Các yêu cầu khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án (nếu có).

6. Bên mời thầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo phương án được phê duyệt. Căn cứ kết quả lựa chọn nhà đầu tư và hợp đồng dự án được ký kết, việc triển khai thực hiện dự án đầu tư kinh doanh theo quy định tại Chương VI của Nghị định này.”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 95/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2020 hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 09/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2022 hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len

Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 3 như sau:

“a) Ký kết Hiệp định CPTPP ngày 08 tháng 3 năm 2018; Vương quốc Anh, Bắc Ai-len (sau đây gọi là Nước thành viên Hiệp định CPTPP);”.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Điều khoản chuyển tiếp

a) Gói thầu đã phê duyệt và phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước ngày 15 tháng 01 năm 2025 thì tiếp tục tổ chức lựa chọn danh sách ngắn, lựa chọn nhà thầu, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

b) Trong thời gian từ ngày 15 tháng 01 năm 2025 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, việc lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu và các nội dung của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP còn phù hợp với quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu.

c) Đối với các dự thảo Điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước đã hoàn thành quy trình thẩm định dự thảo Điều ước quốc tế theo quy định của Luật Điều ước quốc tế trước ngày có hiệu lực của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu, cơ quan chủ trì đàm phán trình Chính phủ áp dụng các quy định của nhà tài trợ hoặc tổ chức quốc tế mà Nhà nước, Chính phủ Cộng

hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định về đấu thầu khác hoặc chưa được quy định tại Luật Đấu thầu trên cơ sở hồ sơ dự thảo Điều ước quốc tế đã được thẩm định.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2)_{gg}

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Hồng Hà